

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4403000108
3800311306

ngày 01 tháng 01 năm 2008
ngày 02 tháng 06 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 2 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Nguyễn Trọng Hiền

Ông Nguyễn Anh Vũ

Ông Lê Quốc Vũ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 29 tháng 4 năm 2017)
Thành viên
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Tuấn

Ông Nguyễn Thanh Phú

Ông Nguyễn Hùng Lượng

Ông Lê Minh Tuấn

Ông Đinh Văn Sơn

Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 5 năm 2017)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 5 năm 2017)
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ
Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 10 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(j) trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty trích trước và ghi nhận chi phí phát sinh cho các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đặc thù (các nhà máy điện, trạm biến áp,...) được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và dự phòng phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(j) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-255/02



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140)	100		520.808.793.406	475.220.786.262
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.888.488.145	49.940.805.127
Tiền	111		2.388.488.145	2.479.031.916
Các khoản tương đương tiền	112		9.500.000.000	47.461.773.211
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		312.556.657.252	262.277.212.219
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	312.556.657.252	262.277.212.219
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		188.898.243.510	155.851.791.225
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	149.671.219.341	113.294.316.548
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		319.730.196	204.730.196
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	39.163.428.538	42.608.879.046
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(256.134.565)	(256.134.565)
Hàng tồn kho	140	8	7.465.404.499	7.150.977.691
Hàng tồn kho	141		7.465.404.499	7.150.977.691
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		457.023.453.856	511.078.427.364
Tài sản cố định	220		137.235.459.854	191.817.843.488
Tài sản cố định hữu hình	221	9	122.223.894.560	176.548.119.860
Nguyên giá	222		1.971.463.642.620	1.971.463.642.620
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.849.239.748.060)	(1.794.915.522.760)
Tài sản cố định vô hình	227	10	15.011.565.294	15.269.723.628
Nguyên giá	228		17.417.750.910	17.417.750.910
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.406.185.616)	(2.148.027.282)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.799.260.908	1.297.148.276
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.799.260.908	1.297.148.276
Đầu tư tài chính dài hạn	250		315.244.542.047	315.244.542.047
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	34.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(55.749.887.953)	(55.749.887.953)
Tài sản dài hạn khác	260		2.744.191.047	2.718.893.553
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.744.191.047	2.718.893.553
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		977.832.247.262	986.299.213.626

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	92.308.481.469	90.095.129.672
Nợ ngắn hạn	310	89.035.054.730	86.711.255.211
Phải trả người bán ngắn hạn	311	249.820.409	772.601.118
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.311.890.911	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	41.298.683.364	10.444.665.095
Phải trả người lao động	314	17.878.237.322	18.151.266.937
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	503.930.814	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	7.812.571.061	48.029.809.633
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	9.623.635.121	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	9.356.285.728	9.312.912.428
Nợ dài hạn	330	3.273.426.739	3.383.874.461
Dự phòng phải trả dài hạn	342	1.785.013.903	1.895.461.625
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	1.488.412.836	1.488.412.836
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	885.523.765.793	896.204.083.954
Vốn chủ sở hữu	410	885.523.765.793	896.204.083.954
Vốn cổ phần	411	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	3.349.890.365	90.688.965.210
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	125.719.507.337	49.060.750.653
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(15.648.056.702)	5.840.722.419
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	141.367.564.039	43.220.028.234
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	977.832.247.262	986.299.213.626

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng


Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	306.871.965.058	165.167.048.885
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	123.553.751.800	99.681.444.045
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		183.318.213.258	65.485.604.840
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	10.775.496.322	19.959.187.441
Chi phí tài chính	22	23	515.320.777	52.945.581.619
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		515.320.777	11.240.961.154
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	16.891.034.443	7.904.903.947
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		176.687.354.360	24.594.306.715
Thu nhập khác	31		-	790.909.091
Chi phí khác	32		-	8.724.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		-	782.185.091
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		176.687.354.360	25.376.491.806
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	35.319.790.321	4.297.343.253
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		141.367.564.039	21.079.148.553

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	Mã số	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	176.687.354.360	25.376.491.806
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	54.582.383.634	58.142.623.194
Các khoản dự phòng	03	9.623.635.121	41.153.019.076
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.775.496.322)	(17.020.283.950)
Chi phí lãi vay	06	515.320.777	11.240.961.154
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	230.633.197.570	118.892.811.280
Biến động các khoản phải thu	09	(28.167.602.719)	(41.431.706.100)
Biến động hàng tồn kho	10	(339.724.302)	145.199.620
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	15.611.493.678	(5.529.757.464)
Biến động chi phí trả trước	12	-	34.941.450
		217.737.364.227	72.111.488.786
Tiền lãi vay đã trả	14	(515.320.777)	(11.144.438.130)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.500.000.000)	(8.719.991.717)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.114.956.622)	(3.705.167.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	193.607.086.828	48.541.891.679
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	-	(710.084.639)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	529.090.909
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(70.000.000.000)	(60.684.250.022)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	24.069.248.750	35.292.583.355
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết	25	-	(5.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.547.952.973	3.049.601.344
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.382.798.277)	(27.523.059.053)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		155.113.836.433	258.963.599.284
Tiền trả nợ gốc vay	34		(155.113.836.433)	(193.789.259.054)
Tiền trả cổ tức	36		(187.276.605.533)	(173.276.475.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(187.276.605.533)	(108.102.135.370)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(38.052.316.982)	(87.083.302.744)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		49.940.805.127	130.392.029.221
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	11.888.488.145	43.308.726.477

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởngLê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp. Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết) được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Loại hình	Phần trăm vốn sở hữu tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
Các công ty con					
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	99,78%	99,78%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Thủy điện	61,17%	61,52%	61,17%	61,52%
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 124 nhân viên (1/1/2017: 128 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKTKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 10 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Sửa chữa lớn tài sản cố định

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đặc thù (các nhà máy điện, trạm biến áp,...) được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và dự phòng phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì giá vốn hàng bán sẽ giảm 9.623.635.121 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: Không) và tài khoản “Dự phòng phải trả ngắn hạn” sẽ giảm 9.623.635.121 VND trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: Không).

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp và chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất này.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	918.387.809	942.926.816
Tiền gửi ngân hàng	1.470.100.336	1.536.105.100
Các khoản tương đương tiền	9.500.000.000	47.461.773.211
	11.888.488.145	49.940.805.127

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	312.556.657.252	262.277.212.219

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác

	30/6/2017					1/1/2017				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty con										
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (*)	13.720.000	99,78%	99,92%	137.200.000.000	-	13.720.000	99,78%	99,92%	137.200.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa (*)	4.893.443	61,17%	61,17%	48.934.430.000	-	4.893.443	61,52%	61,52%	48.934.430.000	-
				<u>186.134.430.000</u>	<u>-</u>				<u>186.134.430.000</u>	<u>-</u>
Công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (*)	3.260.000	20%	20%	32.600.000.000	-	3.260.000	20%	20%	32.600.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ (*)	140.000	35%	35%	1.400.000.000	-	140.000	35%	35%	1.400.000.000	-
				<u>34.000.000.000</u>	<u>-</u>				<u>34.000.000.000</u>	<u>-</u>
Đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (**)	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(55.749.887.953)	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(55.749.887.953)
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai (*)	150	10%	10%	1.280.000.000	-	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-
				<u>150.860.000.000</u>	<u>(55.749.887.953)</u>				<u>150.860.000.000</u>	<u>(55.749.887.953)</u>
				<u>370.994.430.000</u>	<u>(55.749.887.953)</u>				<u>370.994.430.000</u>	<u>(55.749.887.953)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (**) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đã niêm yết cổ phiếu trên Thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ngày 16 tháng 3 năm 2017, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc vẫn đang theo dõi diễn biến giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh cho mục đích xác định giá trị hợp lý và chưa quyết định thay đổi ước tính kế toán đối với việc lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh. Nếu Công ty lập dự phòng dựa trên giá cổ phiếu trên Thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 thì doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng cùng một khoản là 36.714.887.953 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: Không), tài khoản “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng và giảm lần lượt 36.714.887.953 VND (1/1/2017: Không).

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Mua bán điện	147.713.316.674	110.900.175.300
Các khách hàng khác	1.957.902.667	2.394.141.248
	149.671.219.341	113.294.316.548

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán điện	147.713.316.674	110.900.175.300
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	70.279.643
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	791.542.923	160.319.258

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty con		
Cổ tức từ Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrơsa	-	8.318.853.100
Công ty liên quan		
Chi hộ Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 cho Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	27.414.662.678	27.414.662.678
Các bên thứ ba		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	10.514.926.900	5.636.077.334
Các khoản phải thu khác	1.233.838.960	1.239.285.934
	39.163.428.538	42.608.879.046

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nguyên vật liệu	334.589.830	379.765.175
Công cụ và dụng cụ	6.933.425	20.675.431
Dịch vụ dở dang	7.123.881.244	6.750.537.085
	7.465.404.499	7.150.977.691

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	1.245.125.408.542	604.244.018.925	5.814.409.978	116.279.805.175	1.971.463.642.620
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.079.275.178.783	597.623.750.109	5.263.384.300	112.753.209.568	1.794.915.522.760
Khấu hao trong kỳ	53.431.274.873	530.387.471	129.224.222	233.338.734	54.324.225.300
Số dư cuối kỳ	1.132.706.453.656	598.154.137.580	5.392.608.522	112.986.548.302	1.849.239.748.060
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	165.850.229.759	6.620.268.816	551.025.678	3.526.595.607	176.548.119.860
Số dư cuối kỳ	112.418.954.886	6.089.881.345	421.801.456	3.293.256.873	122.223.894.560

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 976.691 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 793.722 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	17.417.750.910
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.148.027.282
Khấu hao trong kỳ	258.158.334
Số dư cuối kỳ	2.406.185.616
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	15.269.723.628
Số dư cuối kỳ	15.011.565.294

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017
Số dư đầu kỳ	1.297.148.276
Tăng trong kỳ	502.112.632
Số dư cuối kỳ	1.799.260.908

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/đã căn trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.309.876.941	29.646.213.693	(24.410.773.391)	6.545.317.243
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.056.894.836	35.319.790.321	(18.500.000.000)	21.876.685.157
Thuế thu nhập cá nhân	2.060.219	1.728.238.648	(1.487.133.059)	243.165.808
Thuế tài nguyên	2.180.069.519	31.929.026.295	(26.675.929.858)	7.433.165.956
Các loại thuế khác	1.895.763.580	7.914.209.020	(4.609.623.400)	5.200.349.200
	10.444.665.095	106.537.477.977	(75.683.459.708)	41.298.683.364

13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải trả	6.845.522.921	47.122.128.454
Kinh phí công đoàn	-	32.110.000
Các khoản phải trả khác	967.048.140	875.571.179
	7.812.571.061	48.029.809.633

14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến trích lập dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2017. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ban giám đốc Công ty đang trích trước chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28 tháng 4 năm 2017 (Thuyết minh 3(j)).

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	9.312.912.428	11.752.494.132
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 16)	5.047.882.200	7.819.000.000
Sử dụng trong kỳ	(5.004.508.900)	(3.683.587.510)
Số dư cuối kỳ	9.356.285.728	15.887.906.622

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	56.454.368.091	70.688.965.210	208.659.722.419	1.035.803.055.720
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.079.148.553	21.079.148.553
Phân bổ vào các quỹ	-	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	(7.819.000.000)	(7.819.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(175.000.000.000)	(175.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	56.454.368.091	90.688.965.210	26.919.870.972	874.063.204.273
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	64.140.879.681	64.140.879.681
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(42.000.000.000)	(42.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	700.000.000.000	56.454.368.091	90.688.965.210	49.060.750.653	896.204.083.954
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	141.367.564.039	141.367.564.039
Phân bổ vào các quỹ	-	-	3.349.890.365	(3.349.890.365)	-
Hoàn nhập quỹ (*)	-	-	(90.688.965.210)	90.688.965.210	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	(5.047.882.200)	(5.047.882.200)
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(147.000.000.000)	(147.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	700.000.000.000	56.454.368.091	3.349.890.365	125.719.507.337	885.523.765.793

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Tại cuộc họp ngày 28 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định hoàn nhập hết số dư quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào lợi nhuận sau thuế.
- (**) Vốn khác của chủ sở hữu liên quan đến trích lập quỹ đầu tư phát triển để mua tài sản cố định.

17. Vốn cổ phần

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2016.

18. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 147.000 triệu đồng (cho năm 2016: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 và năm 2016 lần lượt là 175.000 triệu đồng và 42.000 triệu đồng).

19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Doanh thu bán điện	302.784.937.149	161.128.020.997
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.087.027.909	4.039.027.888
	306.871.965.058	165.167.048.885

21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	120.812.052.799	97.194.413.036
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	2.741.699.001	2.487.031.009
	123.553.751.800	99.681.444.045

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.535.496.322	16.491.193.041
Khác	240.000.000	3.467.994.400
	10.775.496.322	19.959.187.441

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	515.320.777	11.240.961.154
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	41.704.620.465
	515.320.777	52.945.581.619

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	9.165.720.871	4.117.819.908
Thuế, phí và lệ phí	45.301.000	45.184.000
Chi phí khấu hao	689.156.894	710.356.248
Chi phí khác	6.990.855.678	3.031.543.791
	16.891.034.443	7.904.903.947

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.985.060.605	1.094.920.478
Chi phí nhân công	21.694.239.461	11.668.495.548
Chi phí khấu hao	54.582.383.634	58.142.623.194
Chi phí sửa chữa lớn	11.399.001.408	12.408.007.129
Chi phí khác	50.784.101.135	24.272.301.643

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	35.319.790.321	4.297.343.253

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	176.687.354.360	25.376.491.806
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	35.337.470.872	5.075.298.361
Chi phí không được khấu trừ thuế	30.319.449	27.764.050
Thu nhập không bị tính thuế	(48.000.000)	(693.598.880)
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(112.120.278)
	35.319.790.321	4.297.343.253

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, và phải thu ngắn hạn khác.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	1.470.100.336	1.536.105.100
Các khoản tương đương tiền	(i)	9.500.000.000	47.461.773.211
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	312.556.657.252	262.277.212.219
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần	(ii)	149.415.084.776	113.038.181.983
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	39.163.428.538	42.608.879.046
		512.105.270.902	466.922.151.559

(i) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) *Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác*

Phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017.

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	256.134.565	807.735.954
Hoàn nhập dự phòng	-	(551.601.389)
Số dư cuối kỳ	256.134.565	256.134.565

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	249.820.409	249.820.409	249.820.409
Phải trả người lao động	17.878.237.322	17.878.237.322	17.878.237.322
Chi phí phải trả ngắn hạn	503.930.814	503.930.814	503.930.814
Phải trả ngắn hạn khác	7.812.571.061	7.812.571.061	7.812.571.061
	26.444.559.606	26.444.559.606	26.444.559.606

Ngày 1 tháng 1 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	772.601.118	772.601.118	772.601.118
Phải trả người lao động	18.151.266.937	18.151.266.937	18.151.266.937
Phải trả ngắn hạn khác	48.029.809.633	48.029.809.633	48.029.809.633
	66.953.677.688	66.953.677.688	66.953.677.688

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh riêng của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	9.500.000.000	47.461.773.211
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	312.556.657.252	262.277.212.219
	322.056.657.252	309.738.985.430
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	1.470.100.336	1.536.105.100

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 11.8 triệu VND lợi nhuận thuần trước hợp nhất sau thuế TNDN của Công ty (1/1/2017: 12.3 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

		Giá trị ghi sổ	
		30/6/2017	1/1/2017
		VND	VND
Tài sản tài chính			
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>			
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – thuần	(*)	95.110.112.047	95.110.112.047
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>			
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	(*)	11.888.488.145	49.940.805.127
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – ngắn hạn	(*)	312.556.657.252	262.277.212.219
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần	(*)	149.415.084.776	113.038.181.983
▪ Phải thu ngắn hạn khác	(*)	39.163.428.538	42.608.879.046
		608.133.770.758	562.975.190.422
Nợ phải trả tài chính			
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>			
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(*)	(249.820.409)	(772.601.118)
▪ Phải trả người lao động	(*)	(17.878.237.322)	(18.151.266.937)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(*)	(503.930.814)	-
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(*)	(7.812.571.061)	(48.029.809.633)
		(26.444.559.606)	(66.953.677.688)

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một		
Thành Viên		
Cổ tức đã trả	98.122.050.000	90.853.750.000
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên		
Tạm ứng vốn	-	5.400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa		
Bán hàng hóa dịch vụ	-	465.413.139
Cổ tức đã trả	8.318.853.100	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện		
Thác Mơ		
Mua hàng hóa dịch vụ	-	119.587.420
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
Cổ tức đã trả	80.578.098.000	72.359.350.000
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu bán điện	302.784.937.149	161.128.020.997

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	128.743.460
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	801.604.057	226.894.531
Trung tâm Công nghệ thông tin - chi nhánh		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua hàng hóa dịch vụ	-	80.200.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	615.354.000	266.800.000

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chuyển lãi tiền gửi thành tiền gửi có kỳ hạn	4.348.693.783	3.575.000.000

30. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Doanh thu bán điện của Công ty phụ thuộc vào biến động mùa vụ do kết quả của điều kiện thời tiết. Cụ thể, việc sản xuất điện phụ thuộc trực tiếp vào lượng mưa trong năm và lượng mưa dự kiến nửa cuối năm thông thường sẽ nhiều hơn nửa đầu năm do đặc điểm thời tiết nơi Công ty đặt nhà máy thủy điện.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc